CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HCM

**Mẫu số B 02 - DN**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý báo cáo | | Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.23 | 26,071,395,193 | 46,354,443,253 | 153,630,506,137 | 433,390,552,849 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần | 10 | VI.24 | 26,071,395,193 | 46,354,443,253 | 153,630,506,137 | 433,390,552,849 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.25 | 6,325,336,970 | 21,792,038,558 | 53,034,390,219 | 322,594,028,276 |
| **5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 -11)** | **20** | | **19,746,058,223** | **24,562,404,695** | **100,596,115,918** | **110,796,524,573** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.26 | 1,343,829,167 | 8,249,189,899 | 5,717,951,657 | 31,217,974,361 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.27 | 3,819,579,967 | 6,603,687,857 | 26,378,121,653 | 41,800,524,173 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* | | *2,769,947,209* | *210,516,159* | 10,408,341,231 | *17,168,142,724* |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 399,657,874 | 1,815,966,528 | 2,507,902,971 | 8,353,957,464 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 5,553,788,972 | 9,779,526,133 | 36,147,951,830 | 36,073,479,028 |
| **10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)** | **30** | | **11,316,860,577** | **14,612,414,076** | **41,280,091,121** | **55,786,538,269** |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 309,121,784 | 2,132,350,015 | 799,383,604 | 3,581,475,909 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2,596,540,981 | - | 3,527,062,885 | 2,894,012,681 |
| **13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)** | **40** | | **(2,287,419,197)** | **2,132,350,015** | **(2,727,679,281)** | **687,463,228** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | **9,029,441,380** | **16,744,764,091** | **38,552,411,840** | **56,474,001,497** |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | V.28 | 2,444,607,833 | 2,748,854,078 | 9,818,948,791 | 6,469,454,904 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60 = 50 - 51 -52)** | **60** | | **6,584,833,547** | **13,995,910,013** | **28,733,463,049** | **50,004,546,593** |

*TP. HCM, ngày 21 tháng 1 năm 2013*

**Kế toán trưởng** **Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP.HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N: 0300690663 - C.T.C.P - QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

**PHẠM ĐÌNH HOÀNG** **TS. TRẦN BẢO TOÀN**